UBND XÃ THIỆU TRUNG **PHÒNG KINH TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47 /KT-BCTĐ	*Thiệu Trung, ngày 29 tháng 4 năm 2026*

V/v báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh xây dựng dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Cổ Đô – Phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Thiệu Trung

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng ;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ các Nghị Quyết: số 34/NQ-HĐND ngày 26/08/2021; số 362/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Thiệu Hóa về việc quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư cổ đô – Phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa;

Căn cứ các Quyết định: số 958/QĐ-UBND ngày 28/04/2022; số 368/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa về việc phê duyệt quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Cổ Đô thị trấn Thiệu hóa, huyện Thiệu Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4488/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa về việc phê duyệt dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư cổ đô – Phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-BQLDA ngày 11/2/2025 của Ban QLDA ĐTXD huyện Thiệu Hoá về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Cổ Đô - Phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa;

Căn cứ quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 23/9/2025; của Ủy ban nhân dân xã Thiệu Trung về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân Cổ Đô – phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, Thiệu Hóa;

Căn cứ quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 04/03/2026, của Ủy ban nhân dân xã Thiệu Trung về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân Cổ Đô – phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, Thiệu Hóa;

Công văn số 350/ĐTTĐ.TH-BPKT ngày 25/11/2025 của Công ty truyền tải điện 1 – Đội truyền tải điện Thanh Hóa V/v đảm bảo vận hành an toàn tuyến đường dây truyền tải điện 220Kv khi thi công dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Cô Đô, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu.

Căn cứ công văn số 406/ĐTTĐTH-BPKT ngày 18/12/2025 của Công ty truyền tải điện 1 – Đội truyền tải điện Thanh Hóa về các thông số khoảng cách cột 208-209 đường dây 220Kv Hủa Na – Bỉm Sơn.

Căn cứ văn bản số 160/SC-KT ngày 04/02/2026 của Công ty TNHH MTV Sông Chu về việc tham gia ý kiến đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư Cô Đô, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu.

Căn cứ Biên bản kiểm tra hiện trường công trình giữa các bên có liên quan;

Sau khi xem xét hồ sơ tại Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 29/4/2026 của Chủ đầu tư về việc việc thẩm định thiết kế điều chỉnh dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Cổ Đô – Phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa; Phòng Kinh tế báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh dự án với các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Cổ Đô – Phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa;

2. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

3. Chủ đầu tư: UBND xã Thiệu Trung

4. Địa điểm xây dựng: xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hoá

5. Tổng mức đầu tư đã phê duyệt: 84.040.000.000 đồng (*Tám mươi tư tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng).*

6. Nguồn vốn: Ngân sách xã từ cấp quyền sử dụng đất và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác

7. Danh mục các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn xây dựng chủ yếu áp dụng: Theo Quyết định số 4488/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa về việc phê duyệt dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư cổ đô – Phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa.

8. Đơn vị tư vấn khảo sát, lập thiết kế điều chỉnh dự án: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và đầu tư Thanh Hoá..

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

1. Văn bản pháp lý

- Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 29/4/2026 của Chủ đầu tư dự án;

- Các Nghị Quyết: số 34/NQ-HĐND ngày 26/08/2021; số 362/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Thiệu Hóa về việc quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư cổ đô – Phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa;

- Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 23/9/2025; của Ủy ban nhân dân xã Thiệu Trung về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân Cổ Đô – phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, Thiệu Hóa;

- Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 04/03/2026, của Ủy ban nhân dân xã Thiệu Trung về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân Cổ Đô – phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, Thiệu Hóa;

- Công văn số 350/ĐTTĐ.TH-BPKT ngày 25/11/2025 của Công ty truyền tải điện 1 – Đội truyền tải điện Thanh Hóa V/v đảm bảo vận hành an toàn tuyến đường dây truyền tải điện 220Kv khi thi công dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Cô Đô, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu.

- Công văn số 406/ĐTTĐTH-BPKT ngày 18/12/2025 của Công ty truyền tải điện 1 – Đội truyền tải điện Thanh Hóa về các thông số khoảng cách cột 208-209 đường dây 220Kv Hủa Na – Bỉm Sơn.

- Văn bản số 160/SC-KT ngày 04/02/2026 của Công ty TNHH MTV Sông Chu về việc tham gia ý kiến đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư Cô Đô, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu.

- Biên bản kiểm tra hiện trường công trình của các đơn vị liên quan;

- Các Quyết định của Chủ đầu tư đối với dự án.

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế.

3. Hồ sơ năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình.

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Thông tin chung:

Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư cổ đô – Phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa. được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tại Các Quyết định: số 4488/QĐ-UBND ngày 05/9/2024, với tổng mức đầu tư : **84.040.000.000 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC 13.661.242.000 đồng;

- Chi phí xây dựng: 51.245.055.132 đồng;
- Chi phí thiết bị: 4.615.841.945 đồng;
- Chi phí Quản lý dự án: 1.187.114.031 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 3.723.404.349 đồng;
- Chi phí khác: 2.489.671.488 đồng;
- Chi phí dự phòng: 7.117.641.422 đồng;

2. Lý do điều chỉnh

- Hiện nay, thời gian thi công của dự án theo các Nghị Quyết: số 34/NQ-HĐND ngày 26/08/2021; số 362/NQ-HĐND ngày 03/7/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Thiệu Hóa về việc quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đã hết, do đó cần thiết phải kéo dài thời gian để thực hiện các hạng mục của dự án theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.

- Điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục công việc theo ý kiến của Công ty truyền tải điện 1 – Đội truyền tải điện Thanh Hóa về việc đảm bảo vận hành an toàn tuyến đường dây truyền tải điện 220Kv khi thi công dự án; ý kiến của nhân dân các khu phố 7,8,9 của xã Thiệu Trung và Biên bản kiểm tra hiện trường công trình giữa các bên liên quan;

3. Nội dung điều chỉnh:

3.1. Điều chỉnh hạ cao độ thiết kế mặt đường các tuyến số 4 và số 5 tại các vị trí giao chéo với đường điện 220Kv Hủa Na – Bỉm Sơn tại khoảng cột 208-209 có khoảng cách lưu không không đảm bảo an toàn theo nghị định số 62/2025/NĐ -CP ngày 04/03/2025 qui định chi tiết thi hành luật điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực. Cụ thế như sau:

+ Tuyến số 4: Hạ cao độ phạm vi lý trình từ Km0+59.92 -:- Km0+100.62 trung bình 0.9m

+ Tuyến số 5: Hạ cao độ phạm vi lý trình từ Km0+27.42 -:- Km0+57.53 trung bình 0.8m

+ Điều chỉnh cao độ của tuyến số 3, đoạn giao với tuyến số 5 để phù hợp với cao độ tuyến số 5

+ Điều chỉnh phương án thiết kế tường chắn từ đổ tại chỗ thành lắp ghép: Tường chắn được đúc thành từng modun dài 2m, cốt thép trên mỗi modun được bố trí dài thêm mỗi bên 15cm làm cốt thép chờ nối các modun với nhau bằng BTXM M200, rộng 20cm, lớp lót móng tường chắn bằng BTXM M100 dày 10cm. Bố trí khe phòng lún và gờ chắn bánh tuân thủ theo hồ sơ đã phê duyệt.

+ Bổ sung hạng mục thoát nước nền đường phạm vi giáp tường chắn kênh B9

3.2. Bổ sung, điều chỉnh phần thoát nước.

- Bổ sung thêm cống thoát nước từ Hạ tầng Cổ đô phía bắc ngầm qua kênh B9 và đoạn cống dọc nhà máy nước Thiệu Đô với cống hộp 2x2 ở mặt bằng phía Nam.

+ Cống ngang kênh B9 sử dụng cống tròn D1000 và cống hộp BxH=1x1m ở vị trí nằm dưới đáy kênh, Cống hộp bằng BTCT M250, đổ tại chỗ, móng cống bằng BTXM M200, lớp lót bằng BTXM M100.

+ Đoạn cống dọc nhà máy nước sử dụng cống tròn D1000, gối cống BTCT đúc sẵn, đá dăm lót gối cống dày 10cm, đắp đất hoàn thiện đảm bảo lớp đất phái trên đỉnh cống dày tối thiểu 1.0m.

- Di chuyển cống hộp 2x2m bên phải tuyến số 5 ra sát mép ngoài vỉa hè, thay đổi từ biện pháp thi công đổ tại chỗ sang biện pháp lắp ghép để đẩy nhanh tiến độ thi công.

+ Cống hộp BTCT đúc sẵn, đảm bảo chịu lực tải trọng vỉa hè tại những vị trí đặt trên vỉa hè và tải trọng HL30 tại những vị trí cống qua đường.

+ Móng cống bằng BTXM M150, lớp lót bằng đá dăm dày 10cm

+ Đối với đoạn qua đường tuyến số 4 và đoạn phía phải tuyến số 4 ra đến cửa xả (đấu nối với kênh đất hiện trạng): điều chỉnh khẩu độ từ cống 2x2m thành 2,6x1,5m đổ tại chỗ.

- Điều chỉnh cao độ cống thoát nước, hố ga và hướng thoát nước trong phạm vi tuyến đường điều chỉnh cao độ thiết kế để đảm bảo khả năng thoát nước cho dự án. Kết cấu cống thoát nước và hố ga giữ nguyên.

3.3. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án : Từ đến hết năm 2025 thành đến hết năm 2026.

IV. PHẠM VI, CƠ SỞ VÀ NGUYÊN TẮC THẨM ĐỊNH

1. Cơ sở và phạm vi thẩm định: Nêu tại mục II, mục III của Công văn này.

2. Nêu phạm vi thẩm định: Thực hiện thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với các nội dung theo quy định:

- Về sự tuân thủ quy định của pháp luật về thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

- Các nội dung tại Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

- Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị;

- Về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường và sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

3. Nguyên tắc thẩm định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế:

- Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập thiết kế xây dựng: Chủ đầu tư đã tuân thủ theo trình tự thực hiện công tác khảo sát, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. Hồ sơ thiết kế được lập trên cơ sở tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho dự án đã được phê duyệt, quy mô dự án và kết quả điều tra khảo sát, tính toán, kiểm toán theo quy định.

- Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, dự toán: Đảm bảo theo quy định

2. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định:

Thiết kế BVTC điều chỉnh phù hợp với quy mô đầu tư và cơ bản tuân thủ các nội dung, giải pháp theo hồ sơ dự án đã phê duyệt.

3. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về việc xác định dự toán xây dựng.

Dự toán xây dựng công trình được lập trên cơ sở hồ sơ thiết kế BVTC điều chỉnh về khối lượng, vật tư, vật liệu, nhiên liệu, thời gian thực hiện hoàn thành dự án...; dự toán tuân thủ quy định của pháp luật về xác định dự toán xây dựng hiện hành, không làm vượt Tổng mức đầu tư và đã được Tư vấn thiết kế thực hiện, chủ đầu tư chấp thuận.

4. Giá trị tổng mức đầu tư thẩm định điều chỉnh: **84.040.000.000 đồng** (*Tám mươi tư tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng).*

Đơn vị: đồng

TT	Chi phí	Giá trị trình thẩm định	Giá trị thẩm định	Tăng (+), giảm (-)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và TĐC	13.661.242.000	13.661.242.000	0
2	Chi phí xây dựng:	51.245.055.132	51.245.055.132	0
3	Chi phí thiết bị	4.615.841.945	4.615.841.945	0
4	Chi phí Quản lý dự án	1.187.114.031	1.187.114.031	0
5	Chi phí Tư vấn ĐTXD	3.723.404.349	3.723.404.349	0
6	Chi phí khác	2.489.671.488	2.489.671.488	0
7	Chi phí dự phòng	7.117.641.422	7.117.641.422	0
	Tổng cộng	**84.040.000.000**	**84.040.000.000**	**0**

(Có dự toán thẩm định kèm theo)

Dự toán thẩm định cập nhật lại các giá trị tư vấn đã được phê duyệt

Giá trị dự toán xây lắp được thẩm định trên cơ sở khối lượng, biện pháp thi công của hồ sơ TKBVTC do Tư vấn thiết kế lập, Chủ đầu tư chấp thuận trình thẩm định. Chủ đầu tư, tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu trong hồ sơ trình thẩm định. Chủ đầu tư và các đơn vị Tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm về phương án tính giá vật liệu… đảm bảo phù hợp với thực tế và tiết kiệm kinh phí đầu tư, xây dựng.

5. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình: Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cơ bản được áp dụng theo đúng quy định hiện hành.

6. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận: Các giải pháp thiết kế công trình phù hợp với công năng sử dụng và cơ bản đảm bảo an toàn của công trình lân cận.

7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường:

Hồ sơ thiết kế BVTC điều chỉnh đảm bảo các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

8. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan: không có yêu cầu

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

- Những nội dung thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về thiết kế điều chỉnh dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư cổ đô – Phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa cơ bản đủ điều kiện xem xét và triển khai các bước tiếp theo.

- Nội dung thẩm định nêu trên không bao gồm: Chỉ dẫn kỹ thuật thi công và nghiệm thu; Quy trình bảo trì.

2. Yêu cầu, kiến nghị đối với Chủ đầu tư

- Chuẩn xác các hạng mục khối lượng đã phê duyệt, đã thanh/quyết toán, những hạng mục khối lượng thi công đã lập dự toán điều chỉnh giá đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Hợp đồng đã ký với các Nhà thầu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

- Rà soát các nội dung liên quan đến biện pháp tổ chức thi công, phương án điều phối vận chuyển, cung cấp vật liệu xây dựng đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường, tăng hiệu quả kinh tế của dự án.

- Trước khi thi công dự án, đề nghị thực hiện đầy đủ các nội dung trong các văn bản của các cơ quan chuyên môn về cấp điện - chiếu sáng, thuỷ lợi và một số ngành có liên quan khác.

- Tổng hợp kết quả thẩm định thiết kế xây dựng của phòng Kinh tế, văn bản các cơ quan tổ chức có liên quan, để làm cơ sở phê duyệt theo thẩm quyền được quy định tại khoản 8 Điều 82 Luật Xây dựng được sửa đổi bổ sung khoản 24, Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

- Chỉ đạo các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện đầy đủ các nội dung đã được phê duyệt; lập kế hoạch, phê duyệt các phương án: đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

- Nghiên cứu Chỉ thị số 02/CT-BGTVT ngày 23/5/2022 của Bộ Giao thông vận tải, đảm bảo quá trình thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Chỉ thị; đồng thời rà soát yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 6775/UBND

ngày 16/5/2022 để nâng cao chất lượng, tăng cường công tác quản lý, hạn chế những tồn tại đã xảy ra trong thời gian qua nhằm đảm bảo các yêu cầu theo quy định trong công tác quản lý đầu tư xây dựng.

Nội dung thẩm định nêu trên không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của các chủ thể tham gia trong công tác lập và quản lý chất lượng hồ sơ khảo sát, thiết kế điều chỉnh, lập dự toán của dự án, đảm bảo giải pháp thiết kế phù hợp với điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn khu vực xây dựng và tính kinh tế - kỹ thuật, tuổi thọ thiết kế của công trình; đáp ứng đầy đủ mục tiêu của dự án, tiến trình xây dựng; đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí, phát huy hiệu quả đầu tư.

Phòng Kinh tế báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư cổ đô – Phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa. Kính đề nghị UBND xã Thiệu Trung xem xét, thực hiện theo quy định; đồng thời có trách nhiệm nộp bản chụp (định dạng .PDF) tài liệu thiết kế xây dựng đã đóng dấu thẩm định về phòng Kinh tế để lưu trữ và quản lý theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: KT.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
XÃ THIỆU TRUNG - THANH HÓA

Nguyễn Thị Hạnh

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Cổ Đô – Phía Nam đường tỉnh 502, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa;

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	Theo QĐ số 4488/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	Giá trị điều chỉnh	Giá trị sau điều chỉnh	KÝ HIỆU
I	**Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư**				**13.661.242.000**		**13.661.242.000**	**Ggpmb**
1	Chi phí đền bù GPMB			Có chi tiết kèm theo	13.661.242.000		13.661.242.000	
II	**Chi phí xây dựng**				**50.777.219.214**	**467.835.918**	**51.245.055.132**	**Gxd**
	Chi phí xây dựng công trình chính				50.777.219.214	467.835.918	51.245.055.132	
1	Giao thông		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	24.042.283.954	-95.782.568	23.946.501.386	
2	Vỉa hè, cây xanh		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	4.092.295.412		4.092.295.412	
3	THoát nước mưa		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	7.232.255.130	594.978.051	7.827.233.181	
4	Thoát nước thải		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	2.716.387.768	-31.359.565	2.685.028.203	
5	Cấp nước		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	1.775.920.678		1.775.920.678	
6	Cấp điện		1	Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	10.918.106.273		10.918.106.273	
3	**Chi phí thiết bị**			**Theo bảng tổng hợp chi phí TB**	**4.615.841.945**		**4.615.841.945**	**Gtb**
4	**Chi phí quản lý dự án**	**2,086%**	**1**	**(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ**	**1.177.354.974**	**9.759.057**	**1.187.114.031**	**Gqlda**
5	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**				**3.723.404.349**		**3.723.404.349**	**Gtv**
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo NCKT			QĐ số 335/QĐ-BQLDA ngày 30/11/2022	460.860.000		460.860.000	

2	Chi phí lập nhiệm vụ KSXD bước NCKT	3%		QĐ số 279/QĐ-BQLDA ngày 09/11/2022	5.661.000		5.661.000	
3	Chi phí giám sát KSXD nước NCKT			QĐ số 279/QĐ-BQLDA ngày 09/11/2022	7.684.000		7.684.000	
4	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường			QĐ số 373/QĐ-BQLDA ngày 26/12/2022	271.240.000		271.240.000	
5	Lập nhiệm vụ khảo sát địa hình, lập nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500			QĐ số 2515/QĐ-UBND ngày 17/7/2021	61.483.000		61.483.000	
6	Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu dự án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500			QĐ số 3829/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	4.483.000		4.483.000	
7	Tư vấn khảo sát, lập đồ án quy hoạch chi tiết 1/500			QĐ số 4962/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	586.079.000		586.079.000	
8	Chi phí cắm cọc GPMB			Tạm tính	55.000.000		55.000.000	
9	Chi phí khảo sát bước TKBVTC			Tạm tính	66.000.000		66.000.000	
10	Chi phí lập nhiệm vụ KSXD bước TKBVTC	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	1.980.000		1.980.000	
11	Chi phí giám sát KSXD nước KTBVTC	4,072%		Gks trước thuế x tỷ lệ	2.687.520		2.687.520	
12	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	1,703%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	774.353.051		774.353.051	
13	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	0,13%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	70.072.604		70.072.604	
14	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	0,125%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	67.533.741		67.533.741	
15	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn	0,562%		Giá trị của từng gói thầu tư vấn; Gtv trước thuế x tỷ lệ	14.195.520		14.195.520	
16	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,165%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	97.278.145		97.278.145	
17	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư, thiết bị	0,302%		Gtb trước thuế x tỷ lệ	13.939.842		13.939.842	

18	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1,931%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	1.025.094.003		1.025.094.003	
19	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	0,803%		Dự toán gói thầu TB trước thuế x tỷ lệ	37.065.211		37.065.211	
20	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	50.357.356		50.357.356	
21	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	50.357.356		50.357.356	
6	**Chi phí khác**				**2.489.671.488**		**2.489.671.488**	**Gk**
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,15%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	76.165.873		76.165.873	
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	0,013%	0,5	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	5.587.820		5.587.820	
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,244%	0,5	Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	102.592.670		102.592.670	
4	Chi phí kiểm toán độc lập	0,379%		Giá trị cần kiểm toán của dự án; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	349.915.331		349.915.331	
5	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật	0,083%	0,5	Gxd trước thuế x tỷ lệ	20.541.705		20.541.705	
6	Phí thẩm định dự toán xây dựng	0,08%	0,5	Gxd trước thuế x tỷ lệ	19.849.288		19.849.288	
7	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	20%		Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	205.018.801		205.018.801	
8	Chi phí nghiệm thu điện			Tạm tính	77.000.000		77.000.000	
9	Chi phí trích đo, trích lục địa chính thực hiện dự án			Khái toán (7,1 ha x 30tr/1ha)	213.000.000		213.000.000	
10	Chi phí nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa			Khái toán (71.000 m2*40.000đ/m2*50%)	1.420.000.000		1.420.000.000	
7	**Chi phí dự phòng**				**7.595.236.397**		**7.117.641.422**	**Gdp**
7.1	Chi phí dự phòng	5,938%		(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlda+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ	7.595.236.397	-477.594.975	7.117.641.422	

	Tổng cộng				**84.040.000.367**		**84.039.970.367**	**Gxdct**
	Làm tròn				**84.040.000.000**		**84.040.000.000**	